

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2022/DS -PT  
Ngày: 31 - 10 - 2022  
V/v “tranh chấp hợp đồng hợp tác  
trồng cây lâu năm và bồi thường  
thiệt hại”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Bích Hải.

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Tuyết Mai;  
Ông Nguyễn Văn Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Trần Thanh Vũ  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 và 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân  
thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 255/2022/TLPT-DS ngày  
05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác trồng cây lâu năm  
và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2022/DSST ngày 22 tháng 7 năm 2022  
của Tòa án nhân dân huyện F bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 255/2022/QĐ - PT  
ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963; (có mặt)

Đăng ký thường trú: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Văn C  
là Luật sư Văn phòng luật sư Năm Cẩm thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần  
Thơ; địa chỉ: Số 21 Ấp G, xã H, huyện I, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Trúc Lan (Thủy), sinh năm: 1980; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Chí Tình, sinh năm: 1984; (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị Trúc Lan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:* Vào tháng 2 năm 2019, ông M và bà L có thỏa thuận về việc hợp tác trồng cây ăn trái, bà L góp 2.084 m<sup>2</sup>, ông M góp công và cây trồng. Sau khi thỏa thuận, vào tháng 2 năm 2019 ông M bắt đầu trồng các loại cây bao gồm sầu riêng, bưởi da xanh và mít thái. Đến năm 2020, ông M và bà L ký hợp đồng bằng văn bản nhưng thực chất các cây trồng đã được trồng từ tháng 2 năm 2019. Đến ngày 20/01/2021, bà L đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác với ông M. Nay ông M yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại cho ông M với số tiền là 100.000.000đồng bao gồm tiền giống cây trồng, tiền vật tư, phân bón và ngày công lao động là 120.000/ngày trong 680 ngày. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là yêu cầu ông M bồi thường cho bị đơn số tiền 8.300.000đ thì ông M không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị đơn.

*Bị đơn bà Võ Thị Trúc L trình bày:* Vào tháng 5 năm 2019, giữa bà L và ông M có thỏa thuận hợp tác trồng cây ăn trái, theo thỏa thuận bà L góp mặt bằng là diện tích 2.084 m<sup>2</sup> đất và ông M góp công, cây trồng để chia hoa lợi. Bà L giao cho ông M mặt bằng diện tích 2.084 m<sup>2</sup> đất như thỏa thuận, ông M trồng cây và canh tác đến tháng 7/2020 thì bỏ vườn, bà Lan đã nhiều lần yêu cầu ông M đến chăm sóc vườn nhưng ông M không thực hiện. Đến ngày 20/01/2021, bà L gửi văn bản chấm dứt hợp đồng cho ông M. Việc bà L chấm dứt hợp đồng không phải là đơn phương mà do ông M đã bỏ vườn trước. Bà L chỉ đồng ý trả lại tiền giống cây cho ông M là 30.000.000đồng, tại phiên tòa, bà L đồng ý trả cho ông M giá trị của cây trồng trong thời gian 01 năm tuổi theo định giá của Hội đồng định giá đối với các cây sầu riêng do ông M trồng và yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn là yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do trong thời gian 20 tháng không cho thuê đất được với số tiền là 8.300.000đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Chí T trình bày:* Ông T là em của bà L, phần đất ông M và bà L thỏa thuận trồng cây là đất của mẹ ông T và bà L tên là Lý Thị Q, hiện nay bà Q đã tặng cho ông T và hiện ông T đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông M và bà L thỏa thuận trồng cây thì ông T không có tham gia, nay số cây trồng mặc dù còn tồn tại trên đất do ông T đứng tên nhưng ông không đồng ý liên đới cùng với bà L trả tiền theo yêu cầu của ông M mà việc đó tự bà L và ông M giải quyết. Các cây trồng của ông M hiện chỉ còn 03 cây mít và 28 cây sầu riêng, còn bưởi thì đã chết 07 cây, ông T có trồng lại 06 cây sầu riêng và 07 cây mít. Ông Tình không có yêu cầu độc lập đối về việc di dời các cây trồng theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn ra khỏi phần đất hiện do ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2022/DSST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện F đã tuyên xử như sau:

Tuyên bố “Thỏa thuận trồng cây lâu năm lập năm 2020” giữa ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị Trúc L bị vô hiệu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn M

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Võ Thị Trúc L

Khi án có hiệu lực pháp luật, buộc bị đơn Võ Thị Trúc L phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn M số tiền 58.996.000đ (năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Nguyên đơn Nguyễn Văn M có nghĩa vụ giao lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Chí T quyền sử dụng phần đất tại thửa 28+1885 tờ bản số 5, diện tích 2084m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02085 do Ủy ban nhân dân huyện F cấp cho bà Lý Thị Q ngày 15/9/2015, trang 4 ghi nhận tặng cho ông Võ Chí T ngày 03/6/2021. Giao lại cho bị đơn Võ Thị Trúc L 33 cây sầu riêng loại B, 10 cây mít loại A, 06 cây bưởi da xanh loại B, 03 cây bưởi da xanh loại C (theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện F).

Thời gian trả và cách trả được giải quyết tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03/8/2022, bị đơn bà Võ Thị Trúc L có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét về việc phân loại, định giá cây trồng không đúng nên yêu cầu định giá lại; việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trồng lại 07 cây mít Thái, 06 cây sầu Riêng có người làm chứng xác nhận nhưng chưa được xem xét; ông M không chăm sóc cây trồng từ tháng 07/2020 và cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu thì phải khôi phục hiện trạng ban đầu, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bị đơn không nhận giá trị cây trồng của ông M nên không có trách nhiệm hoàn trả. Nên đề nghị không buộc bị đơn phải trả giá trị cây trồng cho ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn, Luật sư Lê Văn C trình bày: Hội đồng thẩm định, định giá cây trồng là đầy đủ thành phần, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ đánh giá đúng tiêu chí và giá trị từng loại cây trồng. Luật sư đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà L.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư, ông M đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Võ Thị Trúc Lan trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét vườn sầu riêng hiện tại đã giao lại cho ông Võ Chí T, bà không hưởng lợi nên người phải trả tiền cho ông M là ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Trúc Lan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Võ Thị Trúc L trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Chí T có mặt nhưng do vườn cây của ông đang gặp sự cố đường ống nước nên ông Trình bày xin được vắng mặt và ủy quyền miệng cho bà Võ Thị Trúc L thay mặt ông tham gia tố tụng, mọi ý kiến của bà L là ý kiến của ông, bà Lan được thay mặt ông quyết định các vấn đề có liên quan. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Võ Chí T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Trúc L bồi thường thiệt hại theo hợp đồng thỏa thuận trồng cây, phía bà Trúc L phản tố yêu cầu bồi thường thiệt hại mất tiền cho thuê đất trong thời gian nguyên đơn bỏ việc, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng Hợp tác trồng cây lâu năm và bồi thường thiệt hại” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có cơ sở.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Trúc L. Xét thấy: Hợp đồng hợp tác Thỏa thuận trồng cây lâu năm vào ngày 01/05/2019, giữa ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị Trúc L thể hiện: “...bà L đồng ý cho ông M trồng cây lâu năm trên phần đất thuộc sở hữu của bà Lan tại ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ. Thời hạn thỏa thuận thứ nhất là 15 năm, tính từ khi ông M trồng cây (tháng 5/2019) nếu cây trồng chủ lực là sầu riêng còn thu hoạch; thời gian thỏa thuận thứ hai là cây trồng chủ lực sầu riêng không còn giá trị kinh tế phải bỏ để thay thế. Phương thức chia lợi nhuận trong thời gian 04 năm đầu từ lúc trồng cây không chia lợi nhuận, từ năm 5 trở về sau sẽ chia đôi giá trị thu được của tất cả cây trồng. Quyền và trách nhiệm của bà Lan là giao đất cho ông Mèo đã thành vườn và chưa trồng cây; thanh toán các khoản thuế. Quyền và trách nhiệm của ông M là có quyền chọn loại cây trồng và Kỹ thuật chăm sóc cây trên phần đất trên; Chịu các khoản đầu tư trong quá trình trồng và chăm sóc...”.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Mèo đã trồng cây ăn trái trên đất là Sầu riêng, trồng xen bưởi da xanh, mít Thái. Sau đó, ông M cho rằng bà L đơn phương chấm dứt hợp đồng được xác lập giữa ông M và bà L vào tháng 05 năm 2019 nên khởi kiện yêu cầu bà Lan phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 100.000.000 đồng. Phía bà L cho rằng việc chấm dứt hợp đồng hợp tác giữa các bên không phải là hành vi đơn phương của bà L mà do ông M bỏ vườn, không chăm sóc cây trồng nên bà L mới gửi Thông báo chấm dứt thỏa thuận trồng cây ngày 20/01/2021 cho ông Mèo; bà Lan thống nhất hoàn trả lại cho ông Mèo tiền cây trồng là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bà L thay đổi ý kiến là đồng ý trả lại cho ông M giá trị cây sầu riêng do ông M trồng theo giá trị cây sầu riêng 01 năm tuổi theo kết quả định giá.

Xét thấy, thời điểm bà Lan giao đất cho ông M trồng cây thì quyền sử dụng đất diện tích 2084m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 280 và 1885 tờ bản đồ số 5, tại ấp D, xã E, huyện F, thành phố Cần Thơ được Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền cấp cho bà Lý Thị Quới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02085 ngày 15/9/2015. Đến ngày 03/6/2021, bà Q tặng cho ông Võ Chí T. Tại cấp sơ thẩm, bà L cũng thừa nhận bà Q có hứa cho bà Lan nhưng không làm giấy tờ. Trong hồ sơ không có chứng cứ thể hiện việc ông Võ Chí T đồng ý giao đất cho bà Lan hay ông M. Đồng thời, ông Mèo cũng xác định không thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên, việc thỏa thuận trồng cây chỉ dựa trên niềm tin bà L được bà Q cho đất. Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng bà L chưa có quyền sở hữu hợp pháp đối phần đất mà bà L giao cho ông M trồng cây nên chưa có đủ điều kiện giao kết hợp đồng. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng hợp tác trồng cây lâu năm giữa ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị Trúc L vô hiệu kể từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 117 và 122 Bộ luật Dân sự 2015 là có căn cứ.

Khi tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì phải giải quyết hậu quả, căn cứ theo khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định “*khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...*”.

Đối với việc ông M yêu cầu giải quyết buộc bà L phải bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng, bao gồm tiền giống cây trồng, tiền vật tư, phân bón và ngày công lao động là 120.000 đồng/ngày trong 680 ngày. Ông M cho rằng do bà Lan đơn phương chấm dứt hợp đồng nên phải bồi thường cho ông Mèo. Tuy nhiên, xét về lỗi thì thời điểm giao kết hợp đồng thì bà L không có quyền sử dụng đất đối với phần đất giao ông M trồng cây. Phía ông M từ tháng 01/2021 không thường xuyên đến vườn chăm sóc cây trong thời gian theo thỏa thuận. Vì vậy, cấp sơ thẩm nhận định lỗi dẫn đến vô hiệu hợp đồng là của cả hai phía ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị Trúc L nên không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông M là có cơ sở, ông M, bà L không ai kháng cáo phần này không đặt ra xem xét.

Đối với cây trồng trên đất, quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông T và ông M không có tranh chấp về việc di dời các cây trồng trên phần đất mà ông T đang

đứng tên. Theo đó, cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà Võ Thị Trúc L có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị cây trồng số tiền là 58.996.000 đồng cho ông Nguyễn Văn M và ông M có nghĩa vụ giao lại toàn bộ số cây trồng cho bà L, cũng như phần đất tại thửa 280+1885, tờ bản đồ số 05 cho người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Võ Chí T. Phía ông Mèo, ông T không có ai kháng cáo.

[5] Xét thấy bà L kháng cáo yêu cầu thẩm định giá lại giá trị cây trồng, nhận thấy qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ là Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá ngày 27/5/2022, xác định các cây trồng trên đất thời điểm thẩm định có 10 cây mít loại A; 02 cây sầu riêng loại C; 33 cây sầu riêng loại B; 06 cây bưởi da xanh loại B, 03 cây bưởi da xanh loại C. Ông T có ý kiến cho rằng các cây trồng của ông M hiện chỉ còn 03 cây mít và 28 cây sầu riêng, còn bưởi thì đã chết 07 cây, ông T tình có trồng lại 06 cây sầu riêng và 07 cây mít. Tuy nhiên việc cây trồng của ông M bị chết thì chưa có văn bản xác nhận giữa ông M, ông T và bà L về việc các cây trồng đã chết nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở.

Theo biên bản thẩm định ngày 27/5/2022, xác định có 02 cây sầu riêng loại C, theo ý kiến của Hội đồng định giá thì “sầu riêng từ 01 đến 02 năm là loại C”, nên xác định 02 cây sầu riêng loại C là do ông T trồng. Theo lời thừa nhận của các bên và tài liệu trong hồ sơ, ông M trồng cây từ tháng 05/2019 đến tháng 7/2020, là 14 tháng. Căn cứ theo Biên bản định giá ngày 27/5/2022 thì sầu riêng trồng từ 01 năm đến 02 năm là loại C, giá là 1.282.000đồng/cây, mít trồng 01 năm là loại A, giá 1.075.000đồng/cây, bưởi da xanh độ tuổi từ 01 năm đến 02 năm là loại B, giá là 1.500.000 đồng, cây bưởi da xanh trồng dưới 1 năm là loại C có giá là 660.000đồng/cây; tổng giá trị là 130.275.000đồng. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá loại cây ông Mèo trồng để tính giá trị phân loại cây: Cây loại C đối với cây sầu riêng và bưởi da xanh; loại A đối với cây mít. Tổng giá trị cây trồng tại thời điểm ông Mèo ngừng chăm sóc là 58.996.000 đồng gồm: 33 cây sầu riêng loại C x 1.282.000 đồng=42.306.000 đồng; 10 cây mít loại A x 1.075.000 đồng = 10.750.000 đồng; 09 cây bưởi da xanh loại C x ; 660.000 đồng = 5.940.000 đồng. Việc tính toán của cấp sơ thẩm theo Biên bản định giá ngày 27/5/2022 thể hiện đúng tính chất giá trị cây trồng đang có tranh chấp, trong biên bản ông M, bà L, ông T đều ký tên xác nhận. Kể từ khi định giá cây trồng cho đến ngày xét xử bà L không có bất kỳ khiếu nại nào về kết quả định giá hay thành viên hội đồng thẩm định. Nay bà kháng cáo yêu cầu định giá lại vì cho rằng thẩm định giá không đúng giữa cây sầu riêng, bưởi, mít là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc bà Lan cho rằng các cây ông M trồng trên phần đất hiện ông T đang canh tác và đứng tên trên giấy chứng nhận, nên đề nghị chuyển giao nghĩa vụ trả tiền cho ông M từ bà L qua ông T nhưng không được ông Mèo đồng ý. Nhận thấy, bà L là người bị ông Nguyễn Văn M kiện nên là bị đơn trong vụ án, theo bản án sơ thẩm tuyên xử buộc bà L là người có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng trên đất cho ông M, bà L không kháng cáo về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng cho nguyên đơn, nay bà cho rằng không có tiền

nên không thể trả số tiền trên cho ông M và đề nghị giải quyết buộc ông T phải trả là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Trúc L buộc ông Nguyễn Văn M bồi thường thiệt hại thời gian 20 tháng không cho thuê đất được với số tiền là 8.300.000 đồng, bà L có nộp cho Tòa án 01 hợp đồng thuê đất làm rẫy ngày 01/6/2019 để chứng minh. Tuy nhiên, như đã phân tích phần đất mà bà L và ông Mèo thỏa thuận hợp tác không thuộc quyền sử dụng của bà L, nên bà L không có quyền thỏa thuận, giao kết hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất đối với phần đất dùng để góp vốn hợp tác với ông M. Do vậy, bà L không có thiệt hại gì nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Trúc L là có cơ sở. Ngoài ra, bà L có nộp cho Tòa án 01 vi bằng được lập tại Văn phòng thừa phát lại Cần Thơ ngày 17/6/2022 và kết thúc vào ngày 20/6/2022 thể hiện nội dung trích dẫn 01 cuộc hội thoại. Qua xem xét, vi bằng không xác định người đàn ông nói chuyện trong hội thoại là ai mà chỉ xác định theo lời khai một phía của bà L là ông Mnên việc lập vi bằng cũng không có giá trị chứng minh cho yêu cầu phản tố cũng như yếu tố lỗi dẫn đến hợp đồng hợp tác trồng cây lâu năm mà nguyên đơn Nguyễn Văn M và bị đơn Võ Thị Trúc L bị vô hiệu.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhận dân thành phố Cần Thơ phát biểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Trúc L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên không phải nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Trúc L.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố “Thỏa thuận trồng cây lâu năm lập năm 2020” giữa ông Nguyễn Văn Mèo và bà Võ Thị Trúc L bị vô hiệu.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn M.
3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Võ Thị Trúc L.

Khi án có hiệu lực pháp luật, buộc bị đơn Võ Thị Trúc L phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn M số tiền 58.996.000 đồng (năm mươi tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Nguyên đơn Nguyễn Văn M có nghĩa vụ giao lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Chí T quyền sử dụng phần đất tại thửa 28+1885 tờ bản số 5, diện tích 2084m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02085 do Ủy ban nhân dân huyện F cấp cho bà Lý Thị Q ngày 15/9/2015, trang 4 ghi nhận tặng cho ông Võ Chí T ngày 03/6/2021. Giao lại cho bị đơn Võ Thị Trúc L 33 cây sầu riêng loại B, 10 cây mít loại A, 06 cây bưởi da xanh loại B, 03 cây bưởi da xanh loại C (theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện F).

Thời gian trả và cách trả được giải quyết tại Chi cục thi hành án dân sự huyện F, thành phố Cần Thơ.

#### 4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Võ Thị Trúc L phải nộp 3.090.300 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Nguyễn Văn M phải nộp 2.055.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo phiếu thu số 0007146 ngày 04/3/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện F, ông Mèo được nhận lại 445.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Võ Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0007434 ngày 03/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện F thành án phí.

5. Về chi phí định giá và thẩm định tại chỗ: Bị đơn Võ Thị Trúc L phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí định giá và thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Nguyễn Văn M đã nộp tạm ứng theo phiếu thu ngày 05/3/2022 tại Tòa án nhân dân huyện F nên bị đơn Võ Thị Trúc L có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Văn M chi phí định giá và thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện F;
- Chi cục THADS huyện F;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Bích Hải**



